

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/KDTM-PT

Ngày: 04/01/2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Hữu Giàu.

Các Thẩm phán:

Bà Ngô Ngọc Phi;

Ông Nguyễn Hoàng Thám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mộng Cầm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Hồng Thanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2021/TLPT-KDTM ngày 16 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 13/2021/KDTM-ST ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXPT-KDTM ngày 17 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 17/2021/QĐ-PT ngày 09 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V. Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà HM Town, số 412 đường K, Phường 5, Quận 3, thành phố M. Do ông Ngô Quang T – Tổng giám đốc làm đại diện.

Đại diện theo ủy quyền của ông Trung: Ông Hoàng Văn U – Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần V (Theo giấy ủy quyền số 09/2019/UQ-XLN ngày 24 tháng 01 năm 2019).

Ông U ủy quyền lại cho ông Trần Bình O – chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần V (theo giấy ủy quyền số 53/2019/UQ-XLN ngày 26

tháng 3 năm 2019). Đại chỉ: 183-185 đường Đ, phường B, thành phố X, tỉnh A, (có mặt).

2. *Bị đơn*: Công ty trách nhiệm hữu hạn L. Địa chỉ trụ sở: Tổ 05, ấp T, xã Mỹ Hòa H, thành phố X, tỉnh A. Do ông Trần Văn H – Giám đốc làm đại diện, (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Ông Trần Văn H, sinh năm 1963, (có mặt);

3.2. Bà Ngô Thị C, sinh năm 1964, (có mặt);

3.3. Ông Trần Văn X, sinh năm 1981, (có mặt);

Cùng cư trú: Tổ 05, ấp T, xã Mỹ Hòa H, thành phố X, tỉnh A.

3.4. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1972, (có mặt);

3.5. Bà Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 1974, (vắng mặt);

3.6. Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1997, (vắng mặt);

3.7. Nguyễn Thị Ngọc Nh, sinh năm 2014, (vắng mặt);

Người đại diện theo pháp luật của em Nh: Ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Thúy L.

Cùng cư trú: Tổ 09, ấp T, xã Mỹ Hòa Hưng, thành phố X, tỉnh A.

4. *Người kháng cáo*: Công ty trách nhiệm hữu hạn L, do ông Trần Văn H làm đại diện là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/3/2019, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng TMCP V do ông Trần Bình O đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh A thỏa thuận ký hợp đồng cho vay hạn mức số 0067/03217/TDHM-PN ngày 06/7/2017, với Công ty trách nhiệm hữu hạn L (viết tắt là công ty L) để cấp hạn mức tín dụng cho công ty L số tiền 16.000.000.000đ (mười sáu tỷ đồng); mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh; thời hạn hiệu lực hạn mức tín dụng đến hết ngày 06/7/2018; lãi suất thỏa thuận trên giấy nhận nợ; phương thức thanh toán: Trả gốc cuối kỳ; trả lãi vào ngày 25 tây định kỳ 01 tháng/lần.

Sau khi ký hợp đồng hạn mức nêu trên thì Ngân hàng TMCP V đã giải nhân cho Công ty L các lần cụ thể như sau:

- Lần 1: Vào ngày 01/8/2017, Công ty L ký giấy nhận nợ với số tiền là 1.060.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, với lãi suất là 8,4%/năm; phương thức trả nợ: Trả lãi vào ngày 25 tây định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 02/01/2018.

- Lần 2: Vào ngày 08/8/2017, Công ty L ký giấy nhận nợ với số tiền là 550.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, với lãi suất là 8,4%/năm; phương thức

trả nợ: Trả lãi vào ngày 25 tây định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 08/01/2018.

- Lần 3: Vào ngày 15/8/2017, Công ty L ký giấy nhận nợ với số tiền là 960.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, với lãi suất là 8,4%/năm; phương thức trả nợ: Trả lãi vào ngày 25 tây định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 15/01/2018.

- Lần 4: Vào ngày 15/8/2017, Công ty L ký giấy nhận nợ với số tiền là 1.000.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, với lãi suất là 8,4%/năm; phương thức trả nợ: Trả lãi vào ngày 25 tây định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 15/01/2018.

Lần 5: Vào ngày 22/8/2017, Công ty L ký giấy nhận nợ với số tiền là 1.400.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, với lãi suất là 8,4%/năm; phương thức trả nợ: Trả lãi vào ngày 25 tây định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 22/01/2018.

Lần 6: Vào ngày 22/8/2017, Công ty L ký giấy nhận nợ với số tiền là 1.060.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, với lãi suất là 8,4%/năm; phương thức trả nợ: Trả lãi vào ngày 25 tây định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 02/01/2018.

Lần 7: Vào ngày 29/8/2017, Công ty L ký giấy nhận nợ với số tiền là 820.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, với lãi suất là 8,4%/năm; phương thức trả nợ: Trả lãi vào ngày 25 tây định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 29/01/2018.

Lần 8: Vào ngày 30/8/2017, Công ty L ký giấy nhận nợ với số tiền là 300.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, với lãi suất là 8,4%/năm; phương thức trả nợ: Trả lãi vào ngày 25 tây định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 30/01/2018.

Lần 9: Vào ngày 31/8/2017, Công ty L ký giấy nhận nợ với số tiền là 200.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, với lãi suất là 8,4%/năm; phương thức trả nợ: Trả lãi vào ngày 25 tây định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 31/01/2018.

Lần 10: Vào ngày 31/8/2017, Công ty L ký giấy nhận nợ với số tiền là 780.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, với lãi suất là 8,4%/năm; phương thức trả nợ: Trả lãi vào ngày 25 tây định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 31/01/2018.

Lần 11: Vào ngày 05/9/2017, Công ty L ký giấy nhận nợ với số tiền là 500.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, với lãi suất là 8,4%/năm; phương thức trả nợ: Trả lãi vào ngày 25 tây định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 05/02/2018.

Lần 12: Vào ngày 05/9/2017, Công ty L ký giấy nhận nợ với số tiền là 470.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, với lãi suất là 8,4%/năm; phương thức trả nợ: Trả lãi vào ngày 25 tây định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 05/02/2018.

Lần 13: Vào ngày 11/9/2017, Công ty L ký giấy nhận nợ với số tiền là 700.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, với lãi suất là 8,4%/năm; phương thức

trả nợ: Trả lãi vào ngày 25 tây định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 12/02/2018.

Lần 14: Vào ngày 11/9/2017, Công ty L ký giấy nhận nợ với số tiền là 650.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, với lãi suất là 8,4%/năm; phương thức trả nợ: Trả lãi vào ngày 25 tây định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 12/02/2018.

Lần 15: Vào ngày 12/9/2017, Công ty L ký giấy nhận nợ với số tiền là 1.000.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, với lãi suất là 8,4%/năm; phương thức trả nợ: Trả lãi vào ngày 25 tây định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 12/02/2018.

Lần 16: Vào ngày 13/9/2017, Công ty L ký giấy nhận nợ với số tiền là 1.050.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, với lãi suất là 8,4%/năm; phương thức trả nợ: Trả lãi vào ngày 25 tây định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 13/02/2018.

Lần 17: Vào ngày 13/9/2017, Công ty L ký giấy nhận nợ với số tiền là 990.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, với lãi suất là 8,4%/năm; phương thức trả nợ: Trả lãi vào ngày 25 tây định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 13/02/2018.

Lần 18: Vào ngày 13/9/2017, Công ty L ký giấy nhận nợ với số tiền là 900.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, với lãi suất là 8,4%/năm; phương thức trả nợ: Trả lãi vào ngày 25 tây định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 13/02/2018.

Lần 19: Vào ngày 13/9/2017, Công ty L ký giấy nhận nợ với số tiền là 500.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, với lãi suất là 8,4%/năm; phương thức trả nợ: Trả lãi vào ngày 25 tây định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 13/02/2018.

Lần 20: Vào ngày 10/11/2017, Công ty L ký giấy nhận nợ với số tiền là 340.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, với lãi suất là 8,4%/năm; phương thức trả nợ: Trả lãi vào ngày 25 tây định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 10/4/2018.

Lần 21: Vào ngày 15/11/2017, Công ty L ký giấy nhận nợ với số tiền là 290.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, với lãi suất là 8,4%/năm; phương thức trả nợ: Trả lãi vào ngày 25 tây định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 16/4/2018.

Tổng cộng số tiền của 21 lần giải ngân với số tiền: 14.359.118.000đ (mười bốn tỷ ba trăm năm mươi chín triệu một trăm mười tám nghìn đồng).

Để đảm bảo khoản vay của Công ty L thì Công ty L và các ông bà: Trần Văn H, Ngô Thị C đã ký các Hợp đồng thế chấp sau:

- Hợp đồng thế chấp số 0028/032/2014/HĐTC ngày 19/03/2014; Phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng số 05/0028/03217/08.TTSDBS ngày 17/11/2017, thế chấp cho ngân hàng các tài sản gồm:

1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00001QSDĐ/Aj; thửa 2608; tờ bản đồ số 01, với diện tích 3.882,8m² do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 23/06/1999 cho Ông Trần Văn H; Giấy chứng nhận quyền sở

hữu nhà ở chuyên dùng tại nông thôn số phát hành 01/CN.UB, Hồ sơ gốc số 01, do UBND thành phố X, tỉnh A cấp ngày 14/08/1999 cho ông Trần Văn H - bà Ngô Thị C; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà chuyên dùng tại nông thôn số phát hành 32/CN.UB; Hồ sơ gốc số 01, do Ủy ban nhân dân thành phố X, tỉnh A cấp ngày 04/03/2002 cho ông Trần Văn H - bà Ngô Thị C;

2. Giấy chứng nhận chứng nhận quyền sử dụng đất số: 02755QSDĐ/kA; thửa 36; tờ bản đồ 001, với diện tích $7.943m^2$ do Ủy ban nhân dân Thành phố X cấp ngày 10/4/2002 cho ông Trần Văn H; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà chuyên dùng tại nông thôn số phát hành 34/CN.UB; Hồ sơ gốc số 01, do Ủy ban nhân dân thành phố X, tỉnh A cấp ngày 05/07/2002 cho ông Trần Văn H - bà Ngô Thị C;

3. Giấy chứng nhận chứng nhận quyền sử dụng đất số: 03356/QSDĐ/kA; thửa số 16; tờ bản đồ số 005, với diện tích $316m^2$, do Ủy ban nhân dân Thành phố X cấp ngày 26/02/2002 cho ông Trần Văn H;

Hợp đồng thế chấp ngày 19/3/2014 và phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng 17/11/2017, được Phòng công chứng số 1 tỉnh A chứng nhận và đăng ký đảm bảo tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố X ngày 24/10/2014.

- Hợp đồng thế chấp số 0295/03215/01B.HĐTCQSDĐ ngày 16/04/2015; Phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng số 04/0295/03217/08.TTSĐBS ngày 05/7/2018, thế chấp cho ngân hàng các tài sản gồm:

1. Giấy chứng nhận chứng nhận quyền sử dụng đất số: H.01985kA; thửa số 36; tờ bản đồ số 4; với diện tích $185,7m^2$ do Ủy ban nhân dân Thành phố X cấp ngày 14/11/2008 cho ông Trần Văn H, bà Ngô Thị C.

2. Giấy chứng nhận chứng nhận quyền sử dụng đất số: H.00078kA; thửa số 47; tờ bản đồ số 4; với diện tích $144,2m^2$ do Ủy ban nhân dân Thành phố X cấp ngày 11/01/2006 cho ông Trần Văn H, bà Ngô Thị C.

3. Giấy chứng nhận QSDĐ số: H00972kA; thửa số 70; tờ bản đồ số 4; với diện tích $488,7m^2$ do Ủy ban nhân dân Thành phố X cấp ngày 22/11/2005 cho ông Trần Văn H, bà Ngô Thị C.

4. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CH04534; thửa số 39; tờ bản đồ số 4; với diện tích $831,7m^2$ do Ủy ban nhân dân Thành phố X cấp ngày 11/03/2015 cho ông Trần Văn H, bà Ngô Thị C.

5. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CH04535; thửa số 324; tờ bản đồ số 4; với diện tích $140,4m^2$ do Ủy ban nhân dân Thành phố X cấp ngày 11/03/2015 cho ông Trần Văn H, bà Ngô Thị C.

6. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CH04536; thửa số 325; tờ bản đồ số 4; với diện tích $29,0m^2$ do Ủy ban nhân dân Thành phố X cấp ngày 11/03/2015 cho ông Trần Văn H, bà Ngô Thị C.

Hợp đồng thế chấp ngày 16/4/2015 và phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng 05/12/2017, được Phòng công chứng số 1 tỉnh An Giang chứng nhận và đăng ký đảm bảo tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố X ngày 16/4/2015.

- Hợp đồng thế chấp số 0323/03215/01B.HĐTCQSDĐ ngày 12/05/2015; Phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng số 02/0323/03217/08.TTSĐBS ngày 10/07/2017, thế chấp cho ngân hàng các tài sản gồm:

1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 000392/QSDĐ; thửa số 201; tờ bản đồ số 06; với diện tích 10154m² do Ủy ban nhân dân huyện N (nay là huyện V) cấp ngày 31/10/1998 cho ông Trần Văn H.

2. Giấy chứng nhận QSDĐ số: 000397QSDĐ; thửa số 324; tờ bản đồ số 06; với diện tích 6744m², do Ủy ban nhân dân huyện N (nay là huyện V) cấp ngày 31/10/1998 cho ông Trần Văn H.

Hợp đồng thế chấp ngày 12/5/2015 và phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng 10/7/2017 được Phòng công chứng số 1 thành phố C chứng nhận và đăng ký đảm bảo tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – chi nhánh V ngày 13/5/2015.

- Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 0075/03216/01B.HĐTCQSDĐ ngày 13/04/2016; Phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng số 01/0075/03217/08.TTSĐBS ngày 10/07/2017.

1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CH02606; thửa số 200; tờ bản đồ số 06; với diện tích 3492m², do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 02/11/2015 cho ông Trần Văn H, bà Ngô Thị C.

Hợp đồng thế chấp ngày 13/4/2016 và phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng 10/7/2017 được Phòng công chứng số 1 thành phố C chứng nhận và đăng ký đảm bảo tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – chi nhánh V ngày 13/4/2016.

- Hợp đồng thế chấp động sản số 0076/03216/02A.HĐTCĐS ngày 12/04/2016; Phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng số 01/0076/03216/02A.HĐTCĐS ngày 10/07/2017, được Phòng công chứng số 1 tỉnh A chứng nhận và đăng ký đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố M ngày 14/4/2016.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì Công ty L đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Mặc dù ngân hàng TMCP V đã nhiều lần liên hệ và làm việc với Công ty L để yêu cầu hoàn trả nợ vay nhưng Công ty L cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Nên ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu công ty TNHH L có trách nhiệm thanh toán số tiền vốn lãi còn nợ tạm tính đến ngày 13/5/2021, là 20.980.099.067đ (hai mươi tỷ chín trăm tám chục triệu không trăm chín mươi chín nghìn không trăm sáu mươi bảy đồng). Trong đó, nợ gốc là 14.359.118.000đ; lãi trong hạn là

251.076.989đ; lãi phạt chậm trả lãi là 83.118.823đ; lãi phạt chậm trả gốc là 6.286.785.255đ và tính lãi phát sinh kể từ ngày 14/5/2021 theo hợp đồng cho vay hạn mức số 0067/03217/TDHM-PN ngày 06/7/2017, mà Công ty trách nhiệm hữu hạn L đã ký với Ngân hàng.

Yêu cầu duy trì các hợp đồng thế chấp tài sản đã ký để đảm bảo thi hành án gồm:

- Hợp đồng thế chấp số 0028/032/2014/HĐTC ngày 19/03/2014; Phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng số 05/0028/03217/08.TTSĐBS ngày 17/11/2017;

- Hợp đồng thế chấp số 0295/03215/01B.HĐTCQSDĐ ngày 16/04/2015; Phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng số 04/0295/03217/08.TTSĐBS ngày 05/7/2018;

- Hợp đồng thế chấp số 0323/03215/01B.HĐTCQSDĐ ngày 12/05/2015; Phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng số 02/0323/03217/08.TTSĐBS ngày 10/07/2017;

- Hợp đồng thế chấp số 0075/03216/01B.HĐTCQSDĐ ngày 13/04/2016; Phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng số 01/0075/03217/08.TTSĐBS ngày 10/07/2017;

- Hợp đồng thế chấp động sản số 0076/03216/02A.HĐTCĐS ngày 12/04/2016; Phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng số 01/0076/03216/02A.HĐTCĐS ngày 10/07/2017.

Bị đơn Công ty TNHH L do ông Trần Văn H Giám đốc làm đại diện trình bày:

Công ty trách nhiệm hữu hạn L có ký hợp đồng tín dụng hạn mức số 0067/03217/TDHM-PN ngày 06/7/2017 với Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh A với hạn mức cho vay là 16.000.000.000đ; mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh; thời hạn hiệu lực hạn mức tín dụng đến hết ngày 06/7/2018; lãi suất thỏa thuận trên giấy nhận nợ; phương thức thanh toán: Trả gốc cuối kỳ; trả lãi vào ngày 25 tây định kỳ 01 tháng/lần. Sau khi ký hợp đồng hạn mức nêu trên thì Ngân hàng TMCP V đã giải ngân cho Công ty L với số tiền: 14.359.118.000đ (mười bốn tỷ ba trăm năm mươi chín triệu một trăm mười tám nghìn đồng) thể hiện qua 21 giấy nhận nợ mà công ty đã ký với ngân hàng. Hiện nay Công ty chúng tôi xác nhận còn nợ ngân hàng TMCP V vốn lãi tạm tính đến ngày 13/5/2021, là 20.980.099.067đ (hai mươi tỷ chín trăm tám chục triệu không trăm chín mươi chín nghìn không trăm sáu mươi bảy đồng) như đại diện ngân hàng trình bày. Do gặp khó khăn trong việc kinh doanh nên Công ty L xin ngân hàng cho trả dần vốn mỗi tháng là 100.000.000đ cho đến khi dứt nợ và xin ngân hàng bỏ lãi để tạo điều kiện cho Công ty chúng tôi trả nợ.

Đối với các tài sản mà công ty đã thế chấp cho ngân hàng theo hợp đồng thế chấp động sản số 0076/03216/02A.HĐTCĐS ngày 12/04/2016; Phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng số 01/0076/03216/02A.HĐTCĐS ngày 10/07/2017 để đảm bảo cho khoản vay nêu trên thì công ty đồng ý để ngân hàng xử lý theo

quy định pháp luật trong trường hợp công ty không thanh toán nợ cho ngân hàng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan các ông bà Trần Văn X, Ngô Thị C, Trần Văn H trình bày:

Các ông bà xin ngân hàng tạo điều kiện để cho công ty L được trả dần mỗi tháng 100.000.000đ cho đến khi dứt nợ. Đối với các tài sản mà ông H, bà C đã ký thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty L thể hiện qua các hợp đồng thế chấp: Hợp đồng thế chấp số 0028/032/2014/HĐTC ngày 19/03/2014; Phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng số 05/0028/03217/08.TTSĐBS ngày 17/11/2017; Hợp đồng thế chấp số 0295/03215/01B.HĐTCQSĐĐ ngày 16/04/2015; Phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng số 04/0295/03217/08.TTSĐBS ngày 05/7/2018; Hợp đồng thế chấp số 0323/03215/01B.HĐTCQSĐĐ ngày 12/05/2015; Phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng số 02/0323/03217/08.TTSĐBS ngày 10/07/2017; Hợp đồng thế chấp số 0075/03216/01B.HĐTCQSĐĐ ngày 13/04/2016; Phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng số 01/0075/03217/08.TTSĐBS ngày 10/07/2017 thì ông H, bà C cũng đồng ý để ngân hàng xử lý các tài sản này để thu hồi nợ nếu trường hợp công ty L không thanh toán được các khoản nợ cho ngân hàng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị Thúy L trình bày:

Vào ngày 10/02/2015, vợ chồng ông C, bà L có nhận chuyển nhượng bằng giấy tay phần diện tích đất 185,7m² (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01985kA; thuộc thửa số 36; tờ bản đồ số 04, với diện tích diện tích 185,7m² do Ủy ban nhân dân thành phố X cấp ngày 14/11/2008, mang tên Trần Văn H, Ngô Thị C, đất tọa lạc tại xã Mỹ Hòa H, thành phố X) với ông H, bà C giá trị chuyển nhượng là 140.000.000đ. Khi làm hợp đồng hai bên thỏa thuận đưa trước 70.000.000đ khi nào sang tên sẽ đưa phần còn lại, phần đất này thế chấp cho ngân hàng thì vợ chồng ông biết, do chỗ bà con nên ông bà nghĩ khi nào thanh toán xong tiền thì ông H, bà C sẽ lấy giấy đất ra làm thủ tục sang tên, mãi đến ngày 19/4/2016, ông bà mới thanh toán xong số tiền còn lại cho ông H, bà C và đã cất nhà ở cho đến nay nhưng ông H, bà C vẫn không làm thủ tục sang tên cho ông bà cho đến khi ngân hàng khởi kiện. Ngày 19/11/2019, vợ chồng ông C, bà L có yêu cầu độc lập: Yêu cầu công nhận hợp đồng mua bán đất lập ngày 10/02/2015, giữa vợ chồng ông với ông Trần Văn H, bà Ngô Thị C, buộc ông H, bà C có trách nhiệm làm thủ tục sang tên diện tích đất 185,7m² cho vợ chồng ông bà.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 13/2021/KDTM-ST ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh A tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần V đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn L.

- Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn L trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền vốn lãi tạm tính đến ngày 13/5/2021 là 20.980.099.067đ (hai

mười tỷ chín trăm tám chục triệu không trăm chín mươi chín nghìn không trăm sáu mươi bảy đồng). Trong đó, nợ gốc là 14.359.118.000đ; lãi trong hạn là 251.076.989đ; lãi phạt chậm trả lãi là 83.118.823đ; lãi phạt chậm trả gốc là 6.286.785.255đ.

- Kể từ ngày 14 tháng 5 năm 2021, Công ty trách nhiệm hữu hạn L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Tiếp tục duy trì các hợp đồng thế chấp để đảm bảo thi hành án cho đến khi Công ty trách nhiệm hữu hạn L thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng gồm:

Hợp đồng thế chấp động sản số: 0076/03216/02A.HĐTCĐS, ngày 12/04/2016; Phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng số 01/0076/03216/02A.HĐTCĐS ngày 10/07/2017 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn L với Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

Hợp đồng thế chấp số 0028/032/2014/HĐTC ngày 19/03/2014; Phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng số 05/0028/03217/08.TTSĐBS ngày 17/11/2017 kèm theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở:

Hợp đồng thế chấp số 0295/03215/01B.HĐTCQSDĐ ngày 16/04/2015; Phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng số 04/0295/03217/08.TTSĐBS ngày 05/7/2018;

Hợp đồng thế chấp số 0323/03215/01B.HĐTCQSDĐ ngày 12/05/2015; Phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng số 02/0323/03217/08.TTSĐBS ngày 10/07/2017;

Hợp đồng thế chấp số 0075/03216/01B.HĐTCQSDĐ ngày 13/04/2016; Phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng số 01/0075/03217/08.TTSĐBS ngày 10/07/2017.

[2]. Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Thúy L về việc yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Trần Văn H, bà Ngô Thị C.

[3]. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn C về việc yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Trần Văn H, bà Ngô Thị C. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Thúy L với ông Trần Văn H, bà Ngô Thị C là vô hiệu.

Ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Thúy L, Nguyễn Thị Thanh N, Nguyễn Thị Ngọc Nh (Em Nh do ông C, bà L giám hộ) có nghĩa vụ giao trả lại cho ông Trần Văn H, bà Ngô Thị C diện tích đất 185,7m² (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01985kA, ngày 14/11/2008, diện tích 185,7m²; thuộc tờ

bản đồ số 04, thửa số 36, tọa lạc tại xã Mỹ Hòa H, thành phố X mang tên Trần Văn H, Ngô Thị C) trên đất có căn nhà với diện tích 62.5m², kết cấu: Nền gạch, vách tole, mái tole được giới hạn bởi các điểm 29, 45, 48, 37 và mái che với diện tích 22,8m² có kết cấu: Nền Láng xi măng, khung gỗ vuông, vách tole, mái tole được giới hạn bởi các điểm 28, 29, 37, 36 (theo bản trích đo ngày 20/7/2020).

Ông H bà C có nghĩa vụ trả lại cho ông C, bà L 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng) và giá trị căn nhà + mái che trị giá 137.989.000đ (một trăm ba mươi bảy triệu chín trăm tám mươi chín nghìn đồng). Tổng cộng ông H, bà C có nghĩa vụ liên đới trả cho ông C bà L số tiền là 277.989.000đ (hai trăm bảy mươi bảy triệu chín trăm tám mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Theo đơn kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn L, do ông Trần Văn H làm đại diện: Kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm số: 13/2021/KDTM-ST ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố X, xét xử trong phạm vi khởi kiện của Ngân hàng V đối với nợ gốc và không tính lãi số tiền 2.491.101.566 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- *Bị đơn trình bày:* Thừa nhận còn nợ Ngân hàng như bản án sơ thẩm đã xét xử, tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch bệnh nên xin xem xét được giảm lãi, chỉ trả nợ gốc.

- *Nguyên đơn trình bày:* Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, thống nhất với bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, đối với yêu cầu của bị đơn về việc giảm lãi nguyên đơn không đồng ý.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện Nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án kinh doanh thương mại: Đề nghị Hội đồng xét xử
- Tòa án nhân dân tỉnh A áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, bác kháng cáo của ông Trần Văn H – đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH L, sửa một phần cách tuyên án về xử lý tài sản thế chấp, giữ nguyên

phần còn lại của Bản án sơ thẩm số 13/2021/KDTM-ST ngày 18/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Công ty trách nhiệm hữu hạn L (do ông H đại diện) có đơn kháng cáo trong hạn luật định, có nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự còn lại không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị đối với bản án sơ thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn L (do ông H đại diện) và chứng cứ liên quan, Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V và bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn L thống nhất hai bên có ký hợp đồng cho vay hạn mức số 0067/03217/TDHM-PN ngày 06/7/2017, với số tiền 16.000.000.000đ (mười sáu tỷ đồng); mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh; thời hạn hiệu lực hạn mức tín dụng đến hết ngày 06/7/2018; lãi suất thỏa thuận trên giấy nhận nợ; phương thức thanh toán: Trả gốc cuối kỳ; trả lãi vào ngày 25 tây định kỳ 01 tháng/lần. Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty trách nhiệm hữu hạn L 21 lần với số tiền: 14.359.118.000đ (mười bốn tỷ ba trăm năm mươi chín triệu một trăm mười tám nghìn đồng) và hai bên thống nhất các tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp mà Ngân hàng Thương mại cổ phần V khởi kiện.

Cấp sơ thẩm đã thực hiện các thủ tục tố tụng, thu thập chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn thừa nhận vốn vay và lãi suất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nhưng cho rằng kinh doanh khó khăn, làm ăn không hiệu quả dẫn đến thua lỗ nên xin phía nguyên đơn giảm nợ, giảm lãi và xin trả dần số tiền vốn mỗi tháng 100.000.000 đồng.

Theo đơn kháng cáo ngày 31/5/2021 của ông Trần Văn H cũng như tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn (ông H) thống nhất nợ như bản án sơ thẩm đã xét xử, nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm lãi hoặc không tính lãi để có điều kiện trả lại vốn vay cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Ngô Thị C (vợ ông H) và ông Trần Văn X (con ông H), thống nhất ý kiến ông H là còn nợ Ngân hàng như bản án sơ thẩm đã xét xử và thống nhất bán tài sản thế chấp để trả nợ, nhưng đề nghị Ngân hàng không tính lãi, chỉ trả lại vốn vay 14.359.118.000đ.

Qua tranh luận công khai tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V cho rằng Công ty trách nhiệm hữu hạn L (do ông H đại diện) đã vi phạm hợp đồng vay nhiều năm, hứa hẹn trả nợ rất nhiều lần nhưng không thực hiện, cho thấy phía bị đơn không có thiện chí trả nợ. Nay ông H cùng vợ và con yêu cầu không trả lãi chỉ trả nợ gốc thì phía Ngân hàng không đồng ý. Nhưng nếu phía bị đơn có thiện chí, tích cực trả nợ trong thời gian ngắn thì Ngân hàng

có thể xem xét ý kiến của bị đơn.

Từ nhận định trên cho thấy kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn L (do ông H đại diện) không có cơ sở để chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Tuy nhiên cách tuyên án của cấp sơ thẩm về các hợp đồng thế chấp để đảm bảo thi hành án là: “Tiếp tục duy trì các hợp đồng thế chấp để đảm bảo thi hành án cho đến khi Công ty trách nhiệm hữu hạn L thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng gồm:” là chưa đúng, nên cần sửa lại cách tuyên án là: “Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần V được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự theo thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm:”.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty trách nhiệm hữu hạn L (do ông H đại diện) phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn L (do ông H đại diện).

Phúc xử:

Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 13/2021/KDTM-ST ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh A về cách tuyên án phần các hợp đồng thế chấp để đảm bảo Thi hành án, các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm được giữ nguyên.

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần V đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn L.

- Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn L trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền vốn lãi tạm tính đến ngày 13/5/2021 là 20.980.099.067đ (hai mươi tỷ chín trăm tám chục triệu không trăm chín mươi chín nghìn không trăm sáu mươi bảy đồng). Trong đó, nợ gốc là 14.359.118.000đ; lãi trong hạn là 251.076.989đ; lãi phạt chậm trả lãi là 83.118.823đ; lãi phạt chậm trả gốc là 6.286.785.255đ.

- Kể từ ngày 14 tháng 5 năm 2021, Công ty trách nhiệm hữu hạn L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo

quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần V được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự theo thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm:

Hợp đồng thế chấp động sản số: 0076/03216/02A.HĐTCĐS, ngày 12/04/2016; Phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng số 01/0076/03216/02A.HĐTCĐS ngày 10/07/2017 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn L với Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

Hợp đồng thế chấp số 0028/032/2014/HĐTC ngày 19/03/2014; Phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng số 05/0028/03217/08.TTSĐBS ngày 17/11/2017 kèm theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở:

Hợp đồng thế chấp số 0295/03215/01B.HĐTCQSDĐ ngày 16/04/2015; Phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng số 04/0295/03217/08.TTSĐBS ngày 05/7/2018;

Hợp đồng thế chấp số 0323/03215/01B.HĐTCQSDĐ ngày 12/05/2015; Phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng số 02/0323/03217/08.TTSĐBS ngày 10/07/2017;

Hợp đồng thế chấp số 0075/03216/01B.HĐTCQSDĐ ngày 13/04/2016; Phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng số 01/0075/03217/08.TTSĐBS ngày 10/07/2017.

[2]. Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Thúy L về việc yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Trần Văn H, bà Ngô Thị C.

[3]. Không chấp nhận yêu cầu của độc lập của ông Nguyễn Văn C về việc yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Trần Văn H, bà Ngô Thị C. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Thúy L với ông Trần Văn H, bà Ngô Thị C là vô hiệu.

Ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Thúy L, Nguyễn Thị Thanh N, Nguyễn Thị Ngọc Nh (Em Nh do ông C, bà L giám hộ) có nghĩa vụ giao trả lại cho ông Trần Văn H, bà Ngô Thị C diện tích đất 185,7m² (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01985kA, ngày 14/11/2008, diện tích 185,7m²; thuộc tờ bản đồ số 04, thửa số 36, tọa lạc tại xã Mỹ Hòa H, thành phố X mang tên Trần Văn H, Ngô Thị C) trên đất có căn nhà với diện tích 62.5m², kết cấu: Nền gạch, vách tole, mái tole được giới hạn bởi các điểm 29, 45, 48, 37 và mái che với diện tích 22,8m² có kết cấu: Nền Láng xi măng, khung gỗ vuông, vách tole, mái tole được giới hạn bởi các điểm 28, 29, 37, 36 (theo bản trích đo ngày 20/7/2020).

Ông H bà C có nghĩa vụ trả lại cho ông C, bà L 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng) và giá trị căn nhà + mái che trị giá 137.989.000đ (một

trăm ba mươi bảy triệu chín trăm tám mươi chín nghìn đồng). Tổng cộng ông H, bà C có nghĩa vụ liên đới trả cho ông C bà L số tiền là 277.989.000đ (hai trăm bảy mươi bảy triệu chín trăm tám mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4]. Về chi phí tố tụng khác:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Công ty trách nhiệm hữu hạn L nộp số tiền 3.600.000đ (ba triệu sáu trăm nghìn đồng) để hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

Ông C phải chịu chi phí đo đạc, thẩm định giá là: 2.885.600đ (hai triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn sáu trăm đồng). Trong đó có 2.085.600đ (hai triệu không trăm tám mươi lăm nghìn sáu trăm đồng) cho phí hợp đồng đo đạc, số tiền này ngân hàng đã tạm ứng và tự nguyện chịu nên ông C không phải hoàn lại cho ngân hàng và 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) chi phí thẩm định, định giá tài sản chi phí này ông C đã thực hiện xong.

[5]. Về án phí sơ thẩm:

Ngân hàng Thương mại cổ phần V được nhận lại 62.668.000đ (sáu mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004592 ngày 09/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố X, tỉnh A.

Công ty trách nhiệm hữu hạn L do ông Trần Văn H giám đốc làm đại diện phải chịu 128.980.000đ (một trăm hai mươi tám triệu chín trăm tám chục nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ông C phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà ông C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000839 ngày 06/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố X.

Tích thu nộp ngân sách nhà nước 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000840 ngày 06/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố X.

Ông Trần Văn H, bà Ngô Thị C liên đới nộp 13.899.000đ (mười ba triệu tám trăm chín mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[6]. Về án phí phúc thẩm:

Công ty trách nhiệm hữu hạn L (do ông H đại diện) phải chịu 2.000.000đ (hai triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000464

ngày 07 tháng 6 năm 2021 và 0000525 ngày 22 tháng 6 năm 2021 của chi cục Thi hành án dân sự thành phố X (Công ty trách nhiệm hữu hạn L đã nộp đủ).

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND AG;
- Phòng KTNV và THA;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Văn Phòng;
- Tòa Dân sự;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lưu Hữu Giàu